

KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN

LÙ VĂN TUYẾN*
TRẦN THỊ HỒNG NGỌC**

Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn là hoạt động được thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng. Bài viết đánh giá pháp luật về kiểm soát tài sản, tham nhũng của người có chức vụ, quyền hạn và những hạn chế, khó khăn trong thực tiễn thực hiện. Từ đó, đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong thực tiễn.

Từ khóa: Chức vụ; kiểm soát; pháp luật; quyền hạn; tài sản; tham nhũng; thu nhập.

Controlling the assets and income of persons holding titles and powers is a critical activity aimed at preventing corruption, supporting cadre work, promptly detecting corruption, preventing acts of dispersing corrupt assets and recovering corrupt assets. This article assesses the legal framework for controlling the assets and income of persons with positions and powers, highlighting the limitations and challenges faced in its practical implementation. Based on this evaluation, the article proposes some solutions to improve the legal framework and enhance the effectiveness of these control measures.

Keywords: Positions; control; law; powers; assets; corruption; income.

NGÀY NHẬN: 11/6/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 22/7/2024

NGÀY DUYỆT: 19/8/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.343.2024.925>

1. Đặt vấn đề

Kiểm soát tài sản, thu nhập là một trong những thành phần quan trọng trong xây dựng các giải pháp tổng thể phòng, chống tham nhũng. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã nêu ra định hướng để đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đó là: “nghiên cứu thành lập các thiết chế

mới về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”. Hiện nay, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn còn là một trong những công cụ quan trọng góp phần tăng cường tính minh bạch của bộ máy nhà nước, sự liêm chính của cán bộ, công chức, người có chức vụ, quyền hạn; đồng thời, qua đó cũng giúp cơ quan quản lý nhà nước giám sát, phòng

* TS, Ban Nội chính Tỉnh ủy Sơn La

** ThS, Trường Chính trị tỉnh Sơn La

ngừa các hành vi sai trái của cán bộ, công chức, ngăn chặn, làm giảm thiểu nguy cơ làm giàu bất chính...¹.

Việc kê khai tài sản của những người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam được quy định lần đầu tại *Pháp lệnh Chống tham nhũng* năm 1998. Đến năm 2005, *Luật Phòng, chống tham nhũng* được ban hành đã bổ sung thêm vấn đề kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn nhưng không nêu cụ thể nội dung kiểm soát mà chỉ giao “Chính phủ trình Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn” (Điều 53). Đến *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 thì vấn đề kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn đã được bổ sung nhiều nội dung tiến bộ và cụ thể². Đó là các quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, về việc lựa chọn ngẫu nhiên người đã kê khai tài sản, thu nhập để xác minh và việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập. Ngày 30/10/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, các địa phương trên cả nước đã triển khai công tác kiểm soát tài sản, thu nhập có hiệu quả, công khai, trung thực, bảo đảm về trình tự, thủ tục.

2. Một số đánh giá pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, về đối tượng kê khai tài sản, thu nhập.

Theo *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 thì người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, gồm: cán bộ, công chức; sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp

công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND). Như vậy, đối với Việt Nam, dù là diện đối tượng phải kê khai rộng (như quy định hiện nay) hay hẹp hơn (như quy định của *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2005) thì việc kê khai tài sản, thu nhập vẫn chưa khắc phục được tính hình thức và ít có tác dụng phòng ngừa tham nhũng. Lý do chủ yếu Nhà nước chưa kiểm soát được tài sản trong xã hội, chưa kiểm soát được sự dịch chuyển của các tài sản có giá trị lớn và những dòng tiền lớn, việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch vẫn khá dễ dàng và chưa bị kiểm soát³.

Bên cạnh đó, quy định tại Điều 33 *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018, người có nghĩa vụ kê khai không chỉ phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của chính họ mà còn của vợ/chồng, con chưa thành niên của họ. Quy định này được áp dụng chung cho toàn bộ các chủ thể có nghĩa vụ kê khai mà không có sự phân hóa về chức danh, vị trí công việc. Đây là một lỗ hổng rất lớn mà hệ lụy của nó là việc chuyển dịch tài sản bất chính của những người có nghĩa vụ kê khai cho những người khác không nằm trong diện phải kê khai.

Thứ hai, về nội dung kê khai tài sản, thu nhập.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 thì người có nghĩa vụ kê khai sẽ kê khai tài sản, thu nhập, trong đó có “kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên”. Quy định này sử dụng thuật ngữ “mỗi tài sản”, có nghĩa là trong các loại tài sản được liệt kê thì một trong số tài sản đó nếu có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên mới phải kê khai. Tuy vậy, khi hướng dẫn chi tiết, quy định tại Phụ lục I Nghị định số

130/2020/NĐ-CP lại xác định tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Như vậy, nếu một người có vàng, kim cương và đá quý, mỗi tài sản này có giá trị 20 triệu đồng thì không phải kê khai nếu vận dụng đúng quy định của *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018, tuy nhiên, nếu theo hướng dẫn của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP thì phải kê khai. Điều này cũng lập lại tương tự đối với “tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên” tại mục 7 phần II Phụ lục I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP nhưng khi hướng dẫn tại mục (24) và (25) phần B Phụ lục này thì xác định tài sản phải kê khai là “giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên”⁴.

Bên cạnh đó, theo *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018, người có nghĩa vụ kê khai phải tiến hành kê khai “tài sản và thu nhập” (Điều 34). Tuy nhiên *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP đều không đề cập đến tài sản được hình thành trong tương lai. Trong khi đó, tại Điều 105 *Bộ luật Dân sự* năm 2015 quy định tài sản còn có tài sản hình thành trong tương lai.

Thứ ba, về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

Theo quy định hiện hành, bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc (Điều 39 *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018); thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày (khoản 4 Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP). Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm. Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu HĐND phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử. Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, HĐND phải được công khai với đại biểu

Quốc hội, đại biểu HĐND trước khi bầu, phê chuẩn. Bản kê khai của người dự kiến bầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp nhà nước được công khai tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm khi tiến hành bổ nhiệm hoặc tại cuộc họp của Hội đồng thành viên khi tiến hành bầu các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

So với *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2005 thì những quy định trên là tiến bộ, vì *Luật* này không có quy định về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập. Tuy nhiên phạm vi công khai như vậy là quá hạn hẹp nên ít có tác dụng⁵. Nếu so với yêu cầu của Đảng từ năm 2012 đến nay thì các quy định nói trên về việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cũng chưa thực sự đầy đủ. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) (ngày 16/01/2012) yêu cầu kê khai tài sản phải trung thực và được công khai ở nơi công tác và nơi cư trú. Tại Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) lại nhắc lại yêu cầu trên: “Sửa đổi *Luật Phòng, chống tham nhũng* và các văn bản liên quan khác để thực hiện việc công khai kết quả kê khai tài sản, thu nhập ở nơi công tác và nơi cư trú, theo yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI). Từng bước mở rộng diện kê khai và phạm vi công khai kết quả kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức”.

Thứ tư, về việc xử lý những trường hợp kê khai tài sản, thu nhập không trung thực.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định các biện pháp xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực (Điều 51). Tuy nhiên, *Luật* mới chỉ quy định việc xử lý đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực mà chưa quy định biện pháp xử lý đối với tài sản, thu nhập được kê khai không trung thực

và tài sản, thu nhập tăng thêm nhưng việc giải trình nguồn gốc không trung thực.

3. Thực tiễn kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam

Thời gian qua, việc kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập được thực hiện ngày càng đồng bộ, đúng quy định, dần đi vào nề nếp ở các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn vẫn còn có những hạn chế, khó khăn nhất định.

Công tác quán triệt, tuyên truyền các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập ở một số cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến việc thực hiện chưa bảo đảm quy định. Bên cạnh đó, việc kê khai tài sản hiện nay vẫn còn mang tính hình thức, vẫn còn một bộ phận lớn cán bộ, công chức không nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật về kê khai, kiểm soát kê khai, thu nhập nên khi kê khai còn chưa đúng theo mẫu quy định, do đó làm cho việc kê khai phải thực hiện lại nhiều lần, gây chậm trễ trong việc nhận các bản kê khai khi nộp về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập⁶. Việc xác định đối tượng kê khai hằng năm còn không thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị trong cùng một địa bàn hoặc xác định đối tượng kê khai theo hình thức kê khai bổ sung (kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên, trừ những đối tượng đã kê khai hằng năm - theo khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018) là hoàn toàn do người kê khai tự nguyện kê khai, phụ thuộc vào ý thức, trách nhiệm của người kê khai, không thể do bộ phận tổ chức kê khai tự xác định, cho nên tính chính xác, đầy đủ trong việc lập danh sách kê khai bổ sung và thực hiện kê khai không cao.

Thực tế hiện nay, biểu mẫu kê khai tài sản theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP không phân biệt được tài sản chung, tài sản riêng của vợ, chồng và con, nên gây khó khăn cho việc xác minh tính trung thực⁷. Một số địa phương có địa bàn rộng và có nhiều huyện miền núi cao, vùng sâu, vùng xa cũng có số lượng thuộc diện kê khai lớn nên việc thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập còn nhiều khó khăn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện về kê khai tài sản, thu nhập. Một số đơn vị vẫn còn lúng túng trong việc xác định đối tượng phải kê khai. Mặc dù mẫu kê khai tài sản, thu nhập đã quy định khá cụ thể và rộng về các loại tài sản, như: đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác... có giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên thuộc diện bắt buộc phải kê khai. Tuy nhiên, việc xác định giá trị đối với từng loại tài sản kể trên còn gặp khó khăn; nhiều loại tài sản khi giao dịch không có hóa đơn. Do đó, cơ quan có thẩm quyền không thể xác minh giá trị đối với các loại tài sản này.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP không quy định về bộ phận chủ trì, phối hợp trong việc triển khai kê khai, công khai, tiếp nhận bản kê khai ở các đơn vị, địa phương, nhất là đơn vị cấp sở, ngành, huyện (giữa bộ phận tổ chức và thanh tra) nên còn không thống nhất trong việc triển khai thực hiện. Việc xác minh tài sản, thu nhập còn nhiều khó khăn, vướng mắc do cơ chế phối hợp giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước, như: ngân hàng, doanh nghiệp có liên quan... chưa chặt chẽ, quy định chưa rõ ràng. Ngoài ra, còn phụ thuộc vào trình độ đánh giá bản kê khai của người có trách nhiệm nhận bản kê khai (thường là một cán bộ trẻ trong đơn vị quản lý cán bộ) để phát hiện kịp thời những điều bất hợp lý trong các bản kê khai.

4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Một là, hoàn thiện pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

(1) Cần có hướng dẫn chi tiết nhằm tránh bỏ sót đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập, tạo sự công bằng, thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Đồng thời, cần tiến tới kiểm soát tài sản, thu nhập của mọi công dân trong xã hội (thông qua các biện pháp như quản lý thuế, quản lý bất động sản, thực hiện việc thanh toán qua ngân hàng các giao dịch có giá trị lớn...). Điều này sẽ tạo cơ sở để kiểm soát được tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức và mới chỉ khắc phục được tình trạng người có tài sản nhưng lại nhờ người khác đứng tên.

(2) Cần sửa *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 và các văn bản pháp luật có liên quan để công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai cho toàn dân giám sát, vì đây là biện pháp cực kỳ quan trọng để kiểm soát một cách thực chất việc kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn. Trước mắt, đề nghị nên có quy định công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của những đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp cao trong hệ thống chính trị (ở cấp trung ương là uỷ viên trung ương, bộ trưởng và tương đương trở lên)⁸.

(3) Tài sản, thu nhập kê khai không trung thực hoặc tài sản, thu nhập tăng thêm mà không được giải trình một cách hợp lý thì bị coi là tài sản bất hợp pháp. Nhà nước nên tịch thu phần tài sản, thu nhập chưa được kê khai và tài sản, thu nhập tăng thêm nhưng không giải trình rõ nguồn gốc. Có thể dành một khoảng thời gian nhất định cho đối tượng kê khai giải trình lý do của việc kê khai còn thiếu hoặc để cho họ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản tăng thêm. Mặc dù

vậy, việc tịch thu này cũng không thay thế hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của chủ thể có hành vi tham nhũng cũng như các hành vi vi phạm pháp luật tương ứng khác (trốn thuế, buôn lậu, gian lận thương mại... mà có được tài sản, thu nhập)⁹.

(4) Bổ sung quy định về bộ phận chủ trì, phối hợp trong việc triển khai kê khai, công khai, tiếp nhận bản kê khai ở các đơn vị, địa phương, nhất là đơn vị cấp sở, ngành, huyện (giữa bộ phận tổ chức và thanh tra).

(5) Rà soát, hoàn thiện biểu mẫu kê khai tài sản, thu nhập kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP để bảo đảm tính khả thi trong việc thực hiện.

Hai là, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

(1) Tiếp tục tập trung kiểm soát một cách thực chất việc kê khai tài sản, thu nhập của những cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp cao trong hệ thống chính trị, vì nếu kiểm soát được tài sản, thu nhập của đối tượng này thì mới có tiền đề để kiểm soát các đối tượng cấp thấp hơn và nâng cao hiệu quả của biện pháp kê khai tài sản, thu nhập trong phòng ngừa tham nhũng. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm phòng, chống tham nhũng và xây dựng, chỉnh đốn Đảng là từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, cấp trên phải nêu gương cho cấp dưới noi theo. Một trong các biện pháp để kiểm soát thực chất việc kê khai tài sản, thu nhập của những cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao là tăng cường xác minh tài sản, thu nhập.

(2) Cần xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập trong phạm vi cả nước để thuận tiện cho việc tổng hợp, quản lý, đối chiếu, kiểm tra xác minh biến động tài sản, thu nhập của cá nhân trong thời gian dài.

(3) Hàng năm tổ chức tổng kết để đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc

khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, kinh nghiệm của các địa phương trong quá trình thực hiện; đồng thời mở các lớp tập huấn về kiểm soát tài sản thu nhập cho các cán bộ, công chức làm công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, trong đó chú trọng đến tập huấn, hướng dẫn phương pháp để xác minh tài sản, thu nhập.

(4) Các cơ quan, tổ chức, địa phương cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, phổ biến các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc kê khai. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập. Xác định việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập là tiêu chí để đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu. Thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống tham nhũng, trong đó chú trọng nghiệp vụ về kiểm soát tài sản, thu nhập. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về kiểm soát tài sản, thu nhập; kiên quyết xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập.

5. Kết luận

Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn là một trong những nội dung quan trọng của quá trình xây dựng các giải pháp tổng thể phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn còn là một trong những công cụ quan trọng góp phần tăng cường tính minh bạch của bộ

máy nhà nước, sự liêm chính của cán bộ, công chức, người có chức vụ, quyền hạn; đồng thời, qua đó cũng giúp cơ quan quản lý nhà nước giám sát, phòng ngừa các hành vi sai trái của cán bộ, công chức, ngăn chặn, làm giảm thiểu nguy cơ làm giàu bất chính... Pháp luật và thực tiễn hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn ở nước ta còn có một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện (rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật; tăng cường kiểm soát theo hướng thực chất hơn; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập...) □

Chú thích:

1. *Bàn về kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm phòng, chống tham nhũng*. <https://thanhtravietnam.vn>, ngày 24/3/2023.

2, 3, 5, 8. *Một số vấn đề về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn*. <https://thanhtra.binhduong.gov.vn>, truy cập ngày 20/4/2024.

4, 9. *Pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn - Bất cập và kiến nghị*. <https://tcdepl.moj.gov.vn>, truy cập ngày 20/4/2024.

6, 7. *Còn vướng mắc, bất cập, hạn chế trong công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập*. <https://thanhtravietnam.vn>, ngày 31/7/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.

2. Chính phủ (2020). *Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

4. Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự năm 2015*.

5. Quốc hội (2005, 2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, 2018*.